

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giai đoạn vận hành

*** Giám sát môi trường nước thải:**

- Vị trí, thông số quan trắc, giám sát: 01 mẫu
- + 01 mẫu lấy tại hồ ga sau ngăn khử trùng của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung. Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống bể xử lý (m³/ngày đêm), pH; BOD₅; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); sunfua; Amoni (tính theo N); Nitrat; Phốt phat (tính theo P); Dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; tổng Coliforms.

- Tần suất, quan trắc giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng K = 1 vì dự án có 146 hộ < 500 hộ).

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

***Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Vị trí giám sát: Khu vực thu gom, tập kết tạm thời xe vận chuyển CTR.
- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần CTR,; biện pháp phân loại, thu gom CTR,...
- Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.
- Quy định áp dụng: Luật BVMT 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.